TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - THANH HÓA** Số: 69/2026/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Thanh Hóa, ngày 8 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 25/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026, về việc " ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Minh N, sinh năm: 1992

Số CCCD: 001192020783

Địa chỉ: Tổ I, T, phường H, thành phố Hà Nội

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1987

Số CCCD: 038087033298

Địa chỉ: Tiểu khu E, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 212; Điều 213; khoản 3 điều 144; khoản 3 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 , 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Minh N và anh Nguyễn Văn D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Lê Minh N và anh Nguyễn Văn D có 01 con chung là Nguyễn Thanh V, sinh ngày 13/01/2018. Anh chị thỏa thuận, chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh V, anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị N

3.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 04/2026 đến khi cháu V đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên được sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị Lê Minh N và anh Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N và anh D thỏa thuận, chị N chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí về cấp dưỡng định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000670 ngày 26/01/2026 tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Thanh Hóa. Như vậy chị N và anh D đã thi hành xong khoản án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
Đương sự;
VKSND khu vực 6 - Thanh Hóa;
Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Xuân Sang